

Số: 157/2019/QĐST-HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 533/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Bùi Trung T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Phường H, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Đội N, thôn Ngọc Trí, xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Trung T và bà Trịnh Thị T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung tên Bùi Trịnh Thanh T, sinh năm 1995 và Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 14-4-2001. Cháu T và cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Trung T và bà Trịnh Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà T xác định có 02 con chung tên Bùi Trịnh Thanh T, sinh năm 1995 và Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 14-4-2001. Cháu T và cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Trung T và bà Trịnh Thị T mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình; ông T và bà T mỗi người đã nộp 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0007108 và 0007107 ngày 28-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu thành tiền lệ phí. Ông T, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án Tp.Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- UBND Phường 7, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Hương**